TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên;

2. Ông Trần Trung Hiếu.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2023/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Tạ Thị M, sinh năm 1987; thường trú: Số 38/1, đường ĐT743, khu phố N, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương; Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Bị đơn: Anh Ngô Đỗ Thành S, sinh năm 1986; thường trú: Số 38/1, đường ĐT743, khu phố N, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Tạ Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị M và anh Ngô Đỗ Thành S tự nguyện chung sống với nhau, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện A (nay là phường B, thành phố A), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/KH, quyển số 01/2008 ngày 25/01/2008. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại Dĩ An, Bình Dương.

Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ, chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, tình cảm vợ chồng không còn. Ngoài ra, anh S còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không chăm lo cho vợ con. Cuộc sống hôn nhân càng ngày càng căng thẳng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị M và anh S đã cố gắng hàn gắn tình cảm để xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc nhưng không có kết quả. Nay, chị M xác định không còn tình cảm với anh S nên yêu cầu được ly hôn với anh S. Chị M hiện làm quản lý tại cửa hàng với mức thu nhập 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng và làm giờ hành chính từ 07 giờ sáng đến 17 giờ chiều. Anh S làm tài xế lương tháng tầm 14.000.000 đồng/tháng, ngoài ra, do thường xuyên chạy xe nên giờ giấc của anh S không ổn định, đi sớm về muộn có khi thường xuyên vắng mặt tại nhà.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị M và anh S có 02 con chung tên Ngô Tạ Kim T1, sinh ngày 07/01/2009 và Ngô Tạ Khánh N1, sinh ngày 08/7/2016. Cháu T1 và Ngọc hiện đang sinh sống cùng với chị M và anh S tại nhà của anh, chị. Sau khi ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đ/tháng/con, tổng cộng 5.000.000 đồng/tháng/02con cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Ngô Đỗ Thành S*: Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để làm việc, lấy lời khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Ngày 04/05/2023, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Tạ Thị M và anh Ngô Đỗ Thành S tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường Bình Thắng và được cung cấp như sau*: Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án, chị Tạ Thị M không có đơn yêu cầu Hội liên hiệp phụ nữ phường Bình Thắng tiến hành hòa giải. Hội liên hiệp phụ nữ phường B, thành phố A cũng không có thông tin trình báo về mâu thuẫn giữa vợ, chồng chị Tạ Thị M và anh Ngô Đỗ Thành S. Vì vậy, về tình trạng quan hệ hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mẫu thuẫn giữa anh, chị Hội liên hiệp phụ nữ phường B không biết được.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng Dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 10/05/2023 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị M và anh Ngô Đỗ Thành S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện A (nay là phường B, thành phố A), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/KH, quyển số 01/2008 ngày 25/01/2008 đúng với quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Chị M xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ, chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, tình cảm vợ chồng không còn. Ngoài ra, anh S còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không chăm lo cho vợ con. Cuộc sống hôn nhân càng ngày càng căng thẳng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại Hội liên hiệp phụ nữ phường Bình Thắng nhưng Hội liên hiệp phụ nữ không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ, chồng chị M và anh S. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập anh S đến Tòa án để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh S không đến. Do đó, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn có cơ sở xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng và cả hai đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị M là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Tạ Thị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Ngô Tạ Kim T1, sinh ngày 07/01/2009 và Ngô Tạ Khánh N1, sinh ngày 08/07/2016.

Tòa án đã triệu tập anh S để trình bày ý kiến về con chung nhưng anh S vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng. Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"2. Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con…trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con…"*. Xét, chị M có nghề nghiệp và thu nhập ổn định; đồng thời cháu X1 và cháu N1 cũng có nguyên vọng được sống với mẹ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia

đình, Tòa án giao cháu X1 và Ngọc cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng: Nghĩa vụ nuôi con là của cả cha lẫn mẹ, khi ly hôn, người không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M yêu cầu anh S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.500.000đ/tháng/con, tổng cộng 5.000.000 đồng/tháng/02con. Sau khi xem xét thu nhập, khả năng thực tế của anh S và nhu cầu thiết yếu của con chung ở độ tuổi chưa thành niên. Xét thấy, chị M yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi hai con chung với tổng số tiền 5.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tạ Thị M và anh Ngô Đỗ Thành S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Thị M về tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Ngô Đỗ Thành S.

1.1/ Về hôn nhân: Chị Tạ Thị M được ly hôn với anh Ngô Đỗ Thành S [Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/KH, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện A (nay là phường B, thành phố A), tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/01/2008].

1.2/ Về con chung: Giao con chung tên Ngô Tạ Kim T1, sinh ngày 07/01/2009 và Ngô Tạ Khánh N1, sinh ngày 08/07/2016 cho chị Tạ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Tạ Thị M và anh Ngô Đỗ Thành S đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3/ Về cấp dưỡng: Anh Ngô Đỗ Thành S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng, tổng cộng số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng/02 con. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Ngô Tạ Kim T1 và Ngô Tạ Khánh N1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.4/ Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tạ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006257 ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Ngô Đỗ Thành S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương